TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 28-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 7

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Huỳnh Phan Châu Thành.

Các Hội thẩm quân nhân:

1// Lê Văn Hưng;

1// Nguyễn Út Đông Hòa.

- Thư ký phiên tòa: 2/ Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 7.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71 tham gia phiên tòa: 3// Nguyễn Thanh Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường Trường S, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 27/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 16/9/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/4/1997 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 1, xã A, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N và bà Phạm Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 25/02/2022 đến ngày 03/3/2022; tạm giam từ ngày 03/3/2022 đến nay tại Trại tạm giam K35 – Quân khu 7; có mặt.

2. Lê Đức V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14/3/1992 tại Bình Dương; nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh B; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 4/, Phó Chỉ huy, Phòng Đ, Trường S; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn A và bà Phạm Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thùy L và có 02 con (con lớn nhất 06 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/01/2022 đến nay tại Trại tạm giam K35 – Quân khu 7; có mặt.

3. Nguyễn Anh T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 24/4/1998 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh T và bà Lê Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 24/6/2021 đến ngày 02/7/2021; tạm giam từ ngày 02/7/2021 đến nay tại Trại tạm giam K35 – Quân khu 7; có mặt.

4. Nguyễn Ngọc Th; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/11/1988 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh T và 02 con, (con lớn nhất 08 tuổi, con nhỏ nhất 06 tuổi); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/3/2022 đến nay tại Trại tạm giam K35 – Quân khu 7; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn Đ; vắng mặt.
2. Đoàn Ngọc H; vắng mặt.
3. Đỗ Kỳ A; vắng mặt.
4. Hồ Ngọc Vân A, vắng mặt.
5. Nguyễn Hằng N, vắng mặt.
6. Nguyễn Thị Ngọc A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 23/6/2021, sau khi nhậu xong Nguyễn Đức T rủ Trần Quốc T và Nguyễn Ngọc Th đi sử dụng ma túy, Quốc T điện thoại cho Lê Đức V để hỏi V kiếm địa điểm để sử dụng ma túy, V nói: "Xuống đi V đón". V điện thoại cho Nguyễn Anh T1 hỏi có địa điểm sử dụng ma túy nào không thì T1 nói khách sạn Sơn Thảo (thuộc Tổ 11, khu phố S, phường Tân P, thị xã P, tỉnh B), sau đó V liên hệ với khách sạn Sơn Thảo để đặt phòng và kêu T1 xuống khách sạn Sơn Thảo nhận phòng, thuê loa, đèn đem đến khách sạn và đón nhóm của Quốc T. Sau khi gọi điện thoại cho T1 xong, V tiếp tục điện thoại lại cho Quốc T thông báo địa điểm sử dụng ma túy, sau đó V nhắn tin số điện thoại của Quốc T cho T1 để liên lạc đón. Lúc này, T điều khiển xe ô tô chở Quốc T, Ngọc Th cùng đi đến khách sạn Sơn Thảo theo sự chỉ dẫn của T1, trước khi đi Ngọc Th có mang theo 02 viên ma túy màu xám. Trên đường đi, Quốc T gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn Đ đến khách sạn Sơn Thảo, T gọi điện thoại rủ và ghé chở Hồ Ngọc Vân A cùng đi đến khách sạn Sơn Thảo. Riêng T1 trên đường đi có gọi điện rủ thêm Đoàn Ngọc H đến khách sạn Sơn Thảo. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Tiến chở Quốc T, Ngọc Th và Vân A đến khách sạn Sơn

Thảo, lúc này Đ, H cũng đến, T1 đón cả nhóm và đưa vào phòng A2. Khi cả nhóm vào phòng A2 thì Quốc T thấy chưa chuẩn bị gì nên cả nhóm đòi đi về, thấy vậy T1 gọi điện thoại cho V và đưa cho Quốc T nói chuyện, khi Quốc T và V trao đổi xong thì nhóm của Quốc T quay lại phòng A2.

Khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, V chở bạn gái là Nguyễn Thị Ngọc A đến khách sạn Sơn Thảo và vào phòng A2, lúc này V có trao đổi với Quốc T về việc thanh toán tiền, Quốc T nói V chỉ cần thanh toán tiền phòng, tiền mua ma túy do bên Quốc T lo, V nói cần mua ma túy loại gì thì T1 mua cho. Sau đó, T trao đổi với T1 nhờ T1 mua 01 hộp 05 ma túy dạng khay và 10 viên ma túy dạng thuốc lắc, khoảng 5 phút sau thì T1 ra khỏi phòng và điện thoại cho 01 người tên Hoàng Thắng (không xác định được lai lịch) đặt loa, đèn và hỏi mua dùm 01 hộp 05 ma túy dạng khay và 10 viên ma túy dạng thuốc lắc. Đến khoảng 22 giờ thì Hoàng Thắng đem loa, đèn đến, cùng lúc này 01 người tên Tý Sang (không xác định được lai lịch) cũng đến và đưa cho T1 01 hộp 05 ma túy dạng khay và 08 viên ma túy dạng thuốc lắc màu vàng (còn 02 viên sẽ đưa sau) với giá 9.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy T1 đem vào phòng đưa cho T. Do T không có tiền mặt nên xin số tài khoản ngân hàng của T1 để chuyển trả, sau đó T đưa cho T1 01 gói ma túy dạng bột để cà nhuyễn cho mọi người sử dụng, còn ma túy dạng viên nén màu vàng T để trên bàn cho mọi người sử dụng, riêng Ngọc Th lấy ma túy dạng viên nén màu xám đem theo để sử dụng. Ngồi chơi một lúc V nói gọi mấy em nhân viên đến phục vụ, sau khi T1 gọi thì Nguyễn Hằng N và Đỗ Kỳ A cùng đến và vào phòng A2. Sau đó mọi người trong phòng cùng chuyền tay nhau sử dụng ma túy dạng khay và ma túy dạng viên màu vàng. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng chức năng kiểm tra và lập biên bản phạm tội quả tang với khối lượng ma túy chưa sử dụng còn trong phòng A2 là 2,7840 gam ma túy, loại Ketamine; 1,1282 gam ma túy (màu xám), loại MDMA và 0,6017 gam ma túy (màu vàng), loại MDMA.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức V, Nguyễn Anh T1 đều thừa nhận đã thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và bị cáo Nguyễn Ngọc Th đã thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng đã nêu. Nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy nên các bị cáo đã bàn bạc tìm kiếm địa điểm, thuê loa đèn và mua ma túy để sử dụng và tổ chức cho 05 người khác cùng sử dụng ma túy vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 23/6/2021 tại khách sạn Sơn Thảo. Bị cáo Nguyễn Ngọc Th đã mang theo ma túy cho mình sử dụng riêng.

Những người làm chứng Nguyễn Văn Đ, Đoàn Ngọc H, Đỗ Kỳ A, Hồ Ngọc Vân A, Nguyễn Hằng N có lời khai tại cơ quan điều tra đều giống như cáo trạng và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/6/2021, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức V, Nguyễn Anh T1 đã rủ chúng tôi đến khách sạn Sơn Thảo chơi và đưa ma túy cho chúng tôi sử dụng. Đến khoảng 22 giờ 45 phút thì lực lượng công an kiểm tra, lập biên bản bắt người

phạm tội quả tang về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy.

Người làm chứng Nguyễn Thị Ngọc A có lời khai tại cơ quan điều tra: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 23/6/2021, tôi đi cùng anh V (bạn trai của tôi) tới khách sạn Sơn Thảo, khi tôi vào phòng A2 do phòng tối nên tôi không thấy mọi người sử dụng ma túy. Đến khoảng 22 giờ 45 phút tôi thấy có lực lượng công an đến kiểm tra, quá trình kiểm tra phòng A2, tôi thấy cơ quan công an thu giữ 01 bịch nylon bên trong chứa chất rắn màu xám thu trên mặt đĩa sành màu trắng đặt trên bàn, 01 bịch nylon bên trong chứa chất rắn màu vàng thu trên mặt đĩa sành màu trắng đặt trên bàn, thu giữ 02 gói nylon hàn kín bên trong chứa chất kết tinh không màu trong suốt thu trên mặt đĩa sành màu trắng đặt trên bàn.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang: Vào hồi 22 giờ 45 phút ngày 23/6/2021, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp cùng Công an phường T, thị xã P và Đoàn đặc nhiệm phòng, chống tội phạm ma túy số 3 bắt quả tang 10 đối tượng (Lê Đức V, Nguyễn Anh T1, Trần Quốc T, Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Văn Đ, Đoàn Ngọc H, Đỗ Kỳ A, Hồ Ngọc Vân A, Nguyễn Hằng N) có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và sử dụng trái phép chất ma túy xảy ra tại phòng số A2 khách sạn Sơn Thảo thuộc tổ 11, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh B.

Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an phường T, thị xã P, tỉnh B lập vào lúc 01 giờ 05 phút ngày 24/6/2021 có nội dung:

- 02 (hai) gói nylon hàn kín, bên trong chứa chất kết tinh không màu – trong suốt, được thu giữ phía trên bề mặt đĩa sành màu trắng được đặt trên mặt bàn để tivi tại phòng A2 khách sạn Sơn Thảo. Hai gói nylon trên được niêm phong bên trong phòng bì màu trắng đánh số 01/PC04 ngày 24/6/2021 có hình dấu công an phường T, thị xã P, tỉnh B cùng họ tên và chữ ký của những người: 2// Lê Đình H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Văn L, Lê Đức V.

- Chất rắn màu xám chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín được thu giữ phía trên bề mặt đĩa sành màu trắng được đặt trên mặt bàn để tivi tại phòng A2 khách sạn Sơn Thảo. Chất rắn trên được niêm phong bên trong phòng bì màu trắng đánh số 02/PC04 ngày 24/6/2021 có hình dấu công an phường T, thị xã P, tỉnh B cùng họ tên và chữ ký của những người có tên trên.

- Chất rắn màu vàng chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín được thu giữ phía trên bề mặt đĩa sành màu trắng được đặt trên mặt bàn để tivi tại phòng A2 khách sạn Sơn Thảo. Chất rắn trên được niêm phong bên trong phòng bì màu trắng đánh số 03/PC04 ngày 24/6/2021 có hình dấu công an phường T, thị xã P, tỉnh B cùng họ tên và chữ ký của những người có tên trên.

Kết luận giám định số 351/KLGĐ-PC09-MT ngày 01/7/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh B:

- Mẫu chất kết tinh không màu – trong suốt chứa trong 02 (hai) gói nylon hàn kín (mẫu A1), được niêm phong trong một phong bì màu trắng (số thứ tự

01), có hình dấu của công an phường T – CATX P, tỉnh B, cùng các chữ ký ghi họ tên: 2// Lê Đình H, Nguyễn Minh T, Nguyễn Anh T, Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Văn L, Lê Đức V, gửi đến giám định có tổng khối lượng là 2,7840 gam, là ma túy, loại Ketamin.

- Mẫu chất rắn màu xám chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín (mẫu A2) được niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng (số thứ tự 02), có hình dấu và chữ ký như trên, gửi đến giám định có khối lượng 1,1282 gam, là ma túy, loại MDMA.

- Mẫu chất rắn màu vàng chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín (mẫu A3) được niêm phong trong 01 (một) phong bì màu trắng (số thứ tự 03), có hình dấu và chữ ký như trên, gửi đến giám định có khối lượng 0,6017 gam, là ma túy, loại MDMA.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS71 ngày 26/7/2022, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71, truy tố các bị cáo Lê Đức V, Nguyễn Anh T1, Nguyễn Đức T về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và bị cáo Nguyễn Ngọc Th về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố; phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà các bị cáo thực hiện và hậu quả mà các bị cáo gây ra; nguyên nhân xảy ra vụ án; xác định đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Nguyễn Đức T là người khởi xướng, rủ rê và thực hành, do đó Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo Lê Đức V là người giúp sức cho bị cáo T nên bị cáo Lê Đức V phải chịu trách nhiệm sau bị cáo T. Bị cáo Nguyễn Anh T1 là người giúp sức theo yêu cầu của V nên bị cáo Nguyễn Anh T1 chịu trách nhiệm sau bị cáo V. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn, hối cả nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Kiểm sát viên đề nghị bổ sung cho bị cáo Lê Đức V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác" theo quy định tại điểm v khoản 1 điều 51 BLHS vì trong quá trình công tác tại Trường S, bị cáo V có nhiều thành tích được khen thưởng như: danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2012; Chiến sĩ tiên tiến năm 2013; Giấy khen trong Phong trào thi đua cao điểm "Âm vang Điện Biên Phủ trên không" năm 2012. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã tự nguyện tác động gia đình nộp lại số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng là tiền dùng vào việc phạm tội nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo Nguyễn Anh T1 đã nộp các tài liệu như: Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba và Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng của ông nội của bị cáo là Nguyễn Xuân Th; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tặng cho bà nội của bị cáo là Hà Thị L; Huân chương kháng chiến hạng Nhất của ông ngoại của bị cáo là Lê Văn L nên bị cáo Nguyễn Anh T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình sự:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức V từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng là số tiền mà bị cáo Nguyễn Đức T dùng vào việc phạm tội.

- Về xử lý vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) phong bì niêm phong số 351/1, 351/2, 351/3 chứa chất ma túy sau giám định theo mô tả tại Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thẻ nhựa có chữ Visa màu xanh; 01 (một) đĩa bằng sành màu trắng; đây là những công cụ dùng vào việc phạm tội.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) loa nghe nhạc có chữ Harman/kardon màu đen; 01 (một) đèn chiếu sáng hình hợp chữ nhật màu đen có chữ laser light; 01 (một) đèn nhấp nháy hình cầu màu trắng; 01 (một) ống hình trụ được quấn bằng tờ tiền 10.000 (mười nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số imei 353910103356955; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số imei 353913107190115; đây là những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng, không có ý kiến gì khác. Trong lời tự bào chữa, các bị cáo không có bào chữa gì cho hành vi phạm tội của mình, lời nói sau cùng các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 71, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức V, Nguyễn Anh T1 và Nguyễn Ngọc Th đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; lời khai của các bị cáo là khách quan, phù hợp với nhau và phù hợp với nội dung lời khai của những người làm chứng cũng như các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 21 giờ 45 phút ngày 23/6/2021, Nguyễn Đức T, Lê Đức V, Nguyễn Anh T1, Trần Quốc T đã rủ Nguyễn Ngọc Th, Nguyễn Văn Đ, Đoàn Ngọc H, Hồ Ngọc Vân A, Nguyễn Thị Ngọc A đến khách sạn Sơn Thảo, khi đi Nguyễn Ngọc Th mang theo 02 (viên) ma túy màu xám để sử dụng, khi tất cả đến phòng A2 khách sạn Sơn Thảo, T nhờ T1 mua giùm 01 hộp 05 ma túy dạng khay và 10 viên ma túy dạng thuốc lắc. T1 điện thoại cho Hoàng Thắng (không xác định được lai lịch) thuê loa đèn và mua giùm số lượng ma túy trên. Khoảng 10 phút sau, Hoàng Thắng và Tý Sang (không xác định được lai lịch) đem 01 hộp 05 ma túy dạng khay và 08 (tám) viên ma túy dạng thuốc lắc màu vàng đến giao (còn 02 viên sẽ giao sau) với giá 9.000.000 đồng thì T1 mang vào phòng A2 đưa cho T và để trên bàn cho mọi người sử dụng. Trong quá trình sử dụng T1 tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Hằng N và Đỗ Kỳ A vào phòng A2 để phục vụ. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày khi cả nhóm đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, bắt quả tang với khối lượng ma túy chưa sử dụng còn trong phòng A2 là 2,7840 gam ma túy, loại Ketamine; 1,1282 gam ma túy (màu xám), loại MDMA và 0,6017 gam ma túy (màu vàng), loại MDMA. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức V, Nguyễn Anh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", các bị cáo đã tổ chức cho 05 người sử dụng trái phép chất ma túy nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS và hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc Th đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", trọng

lượng ma túy còn lại (02 viên ma túy màu xám do Th mang theo) sau khi bị cáo sử dụng là 1,1282 gam ma túy, loại MDMA nên bị cáo Th phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước về kiểm soát, quản lý, sử dụng các chất ma túy; gây mất trật tự an toàn và ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Đồng thời hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người và tiềm ẩn gây hậu quả nguy hiểm khác cho xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều nhận thức, hiểu biết về tác hại của việc sử dụng ma túy nhưng vẫn tổ chức sử dụng và sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do mình gây ra; mặc dù các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Tuy nhiên, xét cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục người khác có ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đức T là người khởi xướng, rủ rê và thực hành, qua các hành vi nhờ Trần Quốc T tìm địa điểm để sử dụng ma túy và nhờ Nguyễn Anh T1 mua ma túy để tổ chức sử dụng; do đó Nguyễn Đức T phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo Lê Đức V là người giúp sức, qua các hành vi thuê địa điểm, yêu cầu Nguyễn Anh T1 chuẩn bị loa đèn và thực hiện theo các yêu cầu của T nên bị cáo Lê Đức V phải chịu trách nhiệm sau bị cáo T. Bị cáo Nguyễn Anh T1 là người giúp sức theo yêu cầu của V, qua các hành vi thuê loa, đèn, mua ma túy giúp Nguyễn Đức T và cà nhuyễn ma túy cho mọi người sử dụng nên bị cáo Nguyễn Anh T1 chịu trách nhiệm sau bị cáo V. Vì vậy, áp dụng Điều 17, Điều 58 BLHS để quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị bổ sung cho bị cáo Lê Đức V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác" theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS vì trong quá trình công tác tại Trường S, bị cáo V có nhiều thành tích được khen thưởng như: danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2012; Chiến sĩ tiên tiến năm 2013; Giấy khen trong Phong trào thi đua cao điểm "Âm vang Điện Biên Phủ trên không" năm 2012; ngoài ra, bị cáo V còn có bác ruột là Lê Văn T là Liệt sĩ, ông ngoại là Phạm Đức M được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, bà ngoại là Trần Thị L được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba. Vì vậy, bị cáo Lê Đức V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định

tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T đã tự nguyện tác động gia đình nộp lại số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng là tiền dùng vào việc phạm tội nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo Nguyễn Anh T1 đã nộp các tài liệu như: Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba và Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng của ông nội của bị cáo là Nguyễn Xuân T; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định tặng cho bà nội của bị cáo là Hà Thị L; Huân chương kháng chiến hạng Nhất của ông ngoại của bị cáo là Lê Văn L nên bị cáo Nguyễn Anh T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bị cáo Lê Đức V có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS và bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời đủ tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo Lê Đức V là lao động chính trong gia đình và đang cùng vợ nuôi 02 con nhỏ; bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Anh T1 không có việc làm và thu nhập ổn định; bị cáo Nguyễn Ngọc Th không có thu nhập ổn định và đang cùng vợ nuôi 02 con nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng là số tiền mà bị cáo Nguyễn Đức T dùng vào việc phạm tội.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 03 (ba) phong bì niêm phong số 351/1, 351/2, 351/3 chứa chất ma túy sau giám định theo mô tả tại Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là chất ma túy còn lại sau khi giám định là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) thẻ nhựa có chữ Visa màu xanh, 01 (một) đĩa bằng sành màu trắng, Hội đồng xét xử xét thấy đây là những công cụ mà các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội và đều không có giá trị nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) loa nghe nhạc có chữ Harman/kardon màu đen; 01 (một) đèn chiếu sáng hình hộp chữ nhật màu đen có chữ laser light; 01 (một) đèn nhấp nháy hình cầu màu trắng; 01 (một) ống hình trụ được quấn bằng tờ tiền 10.000 (mười nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số imei 353910103356955 của Nguyễn Anh T1; 01 (một) điện thoại di

động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số imei 353913107190115 của Lê Đức V dùng để liên lạc tìm kiếm địa điểm, thuê loa, đèn và mua ma túy, Hội đồng xét xử xét thấy, đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng thu giữ của Lê Đức V, qua xác minh số tiền trên không liên quan đến vụ án. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho chủ sở hữu Lê Đức V số tiền trên là phù hợp, có cơ sở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Trong vụ án này, có Trần Quốc T, sau khi được Nguyễn Đức T nhờ kiếm địa điểm để cả nhóm sử dụng ma túy, Quốc T đã chủ động liên hệ với Lê Đức V tìm địa điểm để sử dụng ma túy; trên đường đi đã liên hệ rủ Nguyễn Văn Đ đến chơi. Khi vào phòng A2 khách sạn Sơn Thảo đã trực tiếp hỏi T1 việc cung cấp loa đèn và kêu T thanh toán tiền mua ma túy. Hành vi của Nguyễn Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS. Tuy nhiên, hiện nay không biết Quốc T đang ở đâu, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can và Quyết định truy nã bị can theo quy định và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với Trần Quốc T, khi nào bắt được sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với hành vi của Bùi Xuân Th, quản lý khách sạn Sơn Thảo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ra quyết định khởi tố bị can về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS và tách ra trong vụ án khác để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với các đối tượng Hoàng Thắng và Tý Sang là những người bán ma túy và cho thuê công cụ, phương tiện phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh trên địa bàn thị xã P nhưng không xác định được họ tên, nhân thân, lai lịch. Hiện cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức V, Nguyễn Anh T1 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Nguyễn Ngọc Th phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 25/02/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức V 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 04/01/2022.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T1 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 24/6/2021.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 04/3/2022.

2. Về biện pháp tư pháp

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 9.000.000 (chín triệu) đồng là số tiền mà bị cáo Nguyễn Đức T dùng vào việc phạm tội.

3. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) phong bì niêm phong số 351/1, 351/2, 351/3 chứa chất ma túy sau giám định theo mô tả tại Biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy 01 (một) thẻ nhựa có chữ Visa màu xanh; 01 (một) đĩa bằng sành màu trắng.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) loa nghe nhạc có chữ Harman/kardon màu đen; 01 (một) đèn chiếu sáng hình hộp chữ nhật màu đen có chữ laser light; 01 (một) đèn nhấp nháy hình cầu màu trắng; 01 (một) ống hình trụ được quấn bằng tờ tiền 10.000 (mười nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số imei 353910103356955; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xanh, số imei 353913107190115.

Các đồ vật trên có đặc điểm nêu như Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Biên bản đóng gói, niêm

phong và giao, nhận lại đối tượng giám định; Kết luận giám định số 351/KLGĐ-PC09-MT ngày 01/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà R.

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức V, Nguyễn Anh T1, Nguyễn Ngọc Th, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2022), các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm lên Tòa án quân sự Quân khu 7./.

Nơi nhận:
- TAQSTW;
- TAQSQK7;
- VKSQSQK7;
- THAQK7;
- PTHAQK7;
- VKSQSKV71;
- ĐTHSKV2 CTCSN;
- Trại tạm giam K35;
- Các bị cáo;
- Lưu HS. THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA